|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ––––– |  | **Độc lập** – **Tự do** – **Hạnh phúc** |
|  |  | –––––––––––––––––––––––––– |
| Số: ..../TTr-CP |  | Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025 |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội**

**về một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân**

*––––––––––*

Kính gửi: Quốc hội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, nhiệm vụ Bộ Chính trị giao Đảng ủy Chính phủ tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Chính phủ xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết) và đề nghị Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Nghị quyết này[[1]](#footnote-1).

Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết với những nội dung cơ bản như sau:

# I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

# 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (năm 2021) đã khẳng định và nhấn mạnh “Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế”.

- Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thời kỳ mới đã tiếp tục khẳng định đội ngũ doanh nhân là một trong những lực lượng nòng cốt góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Nghị quyết số 68- NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 68-NQ/TW) đã xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể là nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.

Để sớm cụ thể hoá chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 68-NQ/TW đã giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo xây dựng, trình Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt ngay trong Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV (tháng 5/2025); phối hợp với Đảng ủy Quốc hội kịp thời thể chế hoá các chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

# 2. Cơ sở thực tiễn

Thời gian qua, thể chế, pháp luật về doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện, tạo khung pháp lý tương đối đầy đủ, toàn diện cho kinh tế tư nhân phát triển[[2]](#footnote-2). Công tác cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định, điều kiện kinh doanh… liên tục được đẩy mạnh, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Kinh tế tư nhân đã từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, ngày càng khẳng định trở thành một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Kinh tế tư nhân[[3]](#footnote-3) đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng hàng đầu của nền kinh tế và ngày càng thể hiện là động lực quan trọng nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế tư nhân vẫn đối mặt với nhiều rào cản, kìm hãm sự phát triển, chưa bứt phá về quy mô và năng lực cạnh tranh, chưa đáp ứng được yêu cầu là lực lượng nòng cốt của kinh tế đất nước. Vai trò của kinh tế tư nhân đối với phát triển đất nước chưa được phát huy đầy đủ; hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, chồng chéo, môi trường kinh doanh nhiều trở ngại, thủ tục hành chính phức tạp, tốn nhiều thời gian, chi phí và tiềm ẩn rủi ro. Việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân ở một số nơi còn hạn chế. Kinh tế tư nhân còn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn, công nghệ, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao; một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả, quy mô hỗ trợ nhỏ, quy trình, thủ tục phức tạp, khó tiếp cận chính sách. Doanh nghiệp tư nhân chưa được tin tưởng giao thực hiện các dự án lớn, trọng điểm quốc gia.

Nhằm hiện thực hoá mục tiêu phát triển đất nước như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra và đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới, việc khẩn trương thể chế hoá một số chính sách vượt trội, đột phá, phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của kinh tế tư nhân, củng cố niềm tin, tạo khí thế và xung lực mới cho phát triển kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là cần thiết và cấp bách.

# II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

# 1. Mục tiêu

Thể chế hóa kịp thời một số chủ trương, đường lối của Đảng nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực; thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đào tạo nguồn nhân lực, mở rộng sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân vào các dự án quan trọng quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong, vươn tầm quốc tế nhằm tạo “cú hích, đòn bẩy, điểm tựa” tạo động lực mới, giải phóng nguồn lực, sức sản xuất của kinh tế tư nhân; qua đó, hiện thực hóa các mục tiêu nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

# 2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

*Thứ nhất,* bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, quan điểm, cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 68-NQ/TW có tính chất vượt trội, tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế tư nhân; có thể triển khai, áp dụng, phát huy hiệu quả ngay trong thực tiễn.

*Thứ hai,* quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế tư nhân thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành hoặc chưa được quy định cụ thể.

*Thứ ba,* bám sát theo tinh thần Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

*Thứ tư,* quy định cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân để huy động đa dạng hóa các nguồn lực và giải phóng nguồn lực xã hội để tập trung vào phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn tiếp theo.

*Thứ năm,* chính sách pháp luật ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật; tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tính khả thi và phù hợp với nguồn lực của Nhà nước.

# III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Ngày 29/4/2025, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 499/TTg-QHĐP thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương hoàn thiện tài liệu chuẩn bị Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá XV, trong đó yêu cầu Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu xây dựng ngay hồ sơ Nghị quyết của Quốc hội để triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

2. Thường trực Chính phủ đã tổ chức Hội nghị tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học về nội dung dự thảo Nghị quyết.

3. Thực hiện nhiệm vụ được giao, ngay sau khi Nghị quyết số 68-NQ/TW được Bộ Chính trị ban hành, Bộ Tài chính đã khẩn trương triển khai một số công việc sau:

- Ngày 09/05/2025, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6248/BTC-DNTN lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm soát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về dự thảo Nghị quyết.

- Đồng thời, Bộ Tài chính đã tổ chức một số hội thảo, hội nghị để xin ý kiến cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo Nghị quyết.

- Trên cơ sở ý kiến các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học và các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, gửi Bộ Tư pháp thẩm định và Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết.

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

# IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính đã khẩn trương rà soát, nghiên cứu các nhiệm vụ, quan điểm, chủ trương, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, đồng thời rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan, cũng như các luật đang được sửa đổi, bổ sung trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV và đã phân loại các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Nghị quyết số 68-NQ/TW cần được thể chế hóa theo 03 nhóm:

*Thứ nhất*, các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Nghị quyết số 68-NQ/TW có nội hàm tương đối rõ, có tính cấp bách, cần tháo gỡ ngay, có tác động lớn đến niềm tin, hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân nhưng chưa được thể chế hóa hoặc cần sửa đổi, bổ sung, thuộc thẩm quyền của Quốc hội và không thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật đã có trong Chương trình xây dựng pháp luật tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

*Thứ hai,* các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Nghị quyết số 68-NQ/TW có nội hàm tương đối rõ, cần được thể chế hóa, sửa đổi, bổ sung ngay và thuộc phạm vi điều chỉnh của một số Luật đã có trong Chương trình xây dựng pháp luật tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

*Thứ ba*, các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Nghị quyết số 68-NQ/TW mang tính định hướng, chưa quá cấp bách và cần có thời gian nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng để đề xuất xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung các luật liên quan, trình Quốc hội xem xét thông qua ở những kỳ họp tiếp theo.

Dự thảo Nghị quyết tập trung vào các nhóm nhiệm vụ, giải pháp *Thứ nhất* nêu trên và thể chế hóa theo 05 nhóm chính sách lớn, là: (1) Cải thiện môi trường kinh doanh; (2) Hỗ trợ tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh; (3) Hỗ trợ tài chính, tín dụng và mua sắm công; (4) Hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực; và (5) Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp vừa và lớn, doanh nghiệp tiên phong.

Đối với các nhóm nội dung *Thứ hai* nêu trên, Chính phủ giao các cơ quan chủ trì soạn thảo các dự án Luật đang trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV khẩn trương rà soát, nghiên cứu để thể chế hóa các cơ chế chính sách của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngay tại các dự thảo Luật này để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Đối với các nhóm nội dung *Thứ ba,* Bộ Tài chính kiến nghị Chính phủ giao các cơ quan khẩn trương rà soát, nghiên cứu để thể chế hóa các cơ chế chính sách của Nghị quyết số 68-NQ/TW, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét sớm thông qua các dự án Luật tại các kỳ họp tiếp theo.

# 1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 Chương và 17 Điều.

Chương I. Quy định chung (gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3).

Chương II. Cải thiện môi trường kinh doanh (gồm 3 điều, từ Điều 4 đến Điều 6)

Chương III. Hỗ trợ tiếp cận tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh (gồm 02 điều, Điều 7, Điều 8).

Chương IV. Hỗ trợ tài chính, tín dụng và mua sắm công (gồm 03 điều, từ Điều 9 đến Điều 11)

Chương V. Hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực (gồm 2 điều, Điều 12, Điều 13)

Chương VI. Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và lớn, doanh nghiệp tiên phong (gồm 2 điều, Điều 14, Điều 15)

Chương VII. Điều khoản thi hành (gồm 02 điều, Điều 16, Điều 17).

# 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Về phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

b) Về đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

# 3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

## a) Chương I về Quy định chung

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ để bảo đảm cách hiểu thống nhất đối với một số thuật ngữ được sử dụng trong dự thảo Nghị quyết.

## b) Chương II. Cải thiện môi trường kinh doanh

(1) Nguyên tắc xử lý các sai phạm và giải quyết các vụ việc trong hoạt động kinh doanh (Điều 4):

Để thể chế hóa chủ trương của Đảng nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW và giải quyết các bất cập trong xử lý các hành vi sai phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhằm tạo sự yên tâm cho người dân, doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, dự thảo Nghị quyết quy định:

- Phân định rõ giữa trách nhiệm hình sự với trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự; giữa trách nhiệm hành chính với trách nhiệm dân sự; giữa trách nhiệm của pháp nhân và trách nhiệm của cá nhân.

- Đối với sai phạm, vụ việc về dân sự, kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước; các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được chủ động khắc phục sai phạm, thiệt hại.

- Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì không áp dụng xử lý hình sự.

- Đối với sai phạm đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước và là căn cứ quan trọng để xem xét các biện pháp xử lý tiếp theo.

- Không được áp dụng hồi tố các quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Đối với các vụ việc thiếu chứng cứ, chứng cứ không rõ ràng phải sớm có kết luận và thực hiện công bố công khai kết luận này.

- Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án.

- Bảo đảm việc niêm phong, kê biên tạm giữ, phong tỏa tài sản liên quan đến vụ việc, vụ án phải theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phạm vi, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; bảo đảm giá trị niêm phong, kê biên, tạm giữ, phong tỏa tương ứng với dự kiến hậu quả thiệt hại trong vụ án.

- Phân biệt rõ tài sản hình thành hợp pháp với tài sản, thu nhập có được từ hành vi vi phạm pháp luật, tài sản khác liên quan đến vụ án; giữa tài sản, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp với tài sản, quyền, nghĩa vụ của cá nhân người quản lý trong doanh nghiệp trong xử lý các sai phạm và giải quyết các vụ việc.

- Sử dụng hợp lý các biện pháp cần thiết để bảo đảm giá trị tài sản liên quan đến vụ án, giảm thiểu tác động của điều tra đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sau khi có ý kiến thống nhất của các cơ quan tố tụng và không ảnh hưởng đến hoạt động điều tra.

(2) Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh (Điều 5)

Để đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, đồng thời khắc phục tình trạng thanh, kiểm tra chồng chéo, trùng lắp, dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể về một số nguyên tắc trong thực hiện thanh tra, kiểm tra, gồm: (i) không được thanh tra, kiểm tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có bằng chứng vi phạm rõ ràng; (ii) Xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp (iii) ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp; (iv) miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật.

(3) Giải quyết phá sản doanh nghiệp theo thủ tục rút gọn

Thể chế hóa nhiệm vụ tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, nhằm khắc phục tình trạng vướng mắc trong giải quyết thủ tục phá sản, gây khó khăn cho việc rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp, dự thảo Nghị quyết quy định mở rộng trường hợp, căn cứ để Tòa án xem xét, quyết định việc giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn đối với các doanh nghiệp. Đồng thời, việc giải quyết theo thủ tục rút gọn bảo đảm rút ngắn tối thiểu 30% về thời gian, điều kiện, trình tự, thủ tục giải quyết so với thủ tục thông thường.

## c) Chương III về Hỗ trợ tiếp cận tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh

Một trong những khó khăn lớn nhất được cộng đồng doanh nghiệp phản ánh trong thời gian qua là việc khó khăn trong tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh. Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và nâng cao khả năng tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp, Chương này quy định một số chính sách hỗ trợ đặc biệt của Nhà nước, như sau:

(1) Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ (Điều 7)

Tính đến nay cả nước đã có gần 450 khu công nghiệp với tổng diện tích đất công nghiệp đạt khoảng 93 nghìn ha, song các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn ít có cơ hội tiếp cận, giá thuê đất còn cao với khả năng chi trả của doanh nghiệp. Nhằm tháo gỡ vấn đề này; đồng thời thực hiện chủ trương nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương theo phương châm địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm, Chương này quy định các chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh, như sau:

- Các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ để các chủ đầu tư này phải cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại đất khi có nhu cầu.

- Doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong vòng 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Khoản hỗ trợ tiền thuê đất này được Nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư theo quy định của Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, xác định quỹ đất đối với từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đảm bảo bình quân tối thiểu 20 ha/khu, cụm công nghiệp hoặc 5% tổng quỹ đất đã đầu tư kết cấu hạ tầng dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại.

Đối với quỹ đất này, chủ đầu tư được quyền cho các doanh nghiệp khác thuê khi chưa có doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này có nhu cầu thuê.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ về hạ tầng mặt bằng sạch, xây dựng hệ thống điện, nước, giao thông, thông tin liên lạc cho các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Ủy ban nhân dân cấp tính căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, quyết định định mức và tiêu chí nội dung này.

(2) Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công (Điều 8)

Để khai thác hiệu quả các tài sản công là trụ sở, công trình chưa sử dụng, không sử dụng hoặc dôi dư, đặc biệt trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại bộ máy chính quyền hai cấp, dự thảo Nghị quyết quy định: Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương và giao Chính phủ quy định chi tiết nguyên tắc, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách này.

## d) Chương IV. Hỗ trợ tài chính, tín dụng và mua sắm công

Để tháo gỡ nút thắt về tiếp cận vốn, tăng năng lực tài chính cho kinh tế tư nhân, dự thảo Nghị quyết đưa ra một số giải pháp về hỗ trợ vay vốn với lãi suất thấp cho các dự án xanh, tuần hoàn, ESG; hỗ trợ tài chính qua Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, ưu đãi thuế, ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, như sau:

(1) Hỗ trợ tài chính, tín dụng (Điều 9)

- Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG);

- Mở rộng đối tượng, bổ sung thêm chức năng cho Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(2) Hỗ trợ thuế, lệ phí (Điều 10)

Để thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân phát triển và hỗ trợ thêm đối với các đối tượng là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư doanh nghiệp sáng tạo, tổ chức trung hạn hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo cũng như khuyến khích các cá nhân, tổ chức làm việc trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong dự thảo Nghị quyết quy định:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Việc xác định thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 03 năm và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm đầu thành lập kể từ thời điểm được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Bãi bỏ hình thức nộp thuế theo phương pháp khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh từ ngày 01 tháng 7 năm 2026[[4]](#footnote-4). Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh áp dụng phương pháp khai thuế, tính thuế theo pháp luật về quản lý thuế.

- Bãi bỏ lệ phí môn bài quy định tại mục 3.III phần B Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Phụ lục số 01 (Danh mục phí, lệ phí) của Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13 từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

(3) Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu (Điều 11)

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người yếu thế, người khuyết tật làm chủ mở rộng thị trường thông qua việc tham gia vào các gói thầu mua sắm công, dự thảo Nghị quyết quy định: Gói thầu sử dụng ngân sách nhà nước có giá không quá 20 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa do thanh niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người yếu thế, người khuyết tật làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa ở miền núi, biên giới, hải đảo.

## đ) Chương V Hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực

(1) Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Điều 12)

Hiện nay, tỷ lệ đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vào nghiên cứu và phát triển tương đối thấp, khoảng 16%, thấp hơn đáng kể so với một số nước trong khu vực Châu Á. Để thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân tăng cường đầu tư vào hoạt động R&D, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, dự thảo Nghị quyết quy định như sau:

- Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp[[5]](#footnote-5) (cao hơn so với quy định hiện hành 100% theo Điều 9 Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và mức 150% theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách phát triển thành phố Hồ Chí Minh).

- Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (so với quy định Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp là tối đa 10%) để tự triển khai hoặc đặt hàng bên ngoài nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo cơ chế khoán sản phẩm.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng hoặc thuê, mua các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung để cung cấp miễn phí cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh.

(2) Hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Điều 13)

Nhằm tháo gỡ điểm nghẽn về chất lượng nguồn nhân lực, dự thảo Nghị quyết quy định: (i) hỗ trợ kinh phí triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030; (ii) cung cấp miễn phí một số dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh.

## e) Chương VI Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp vừa và lớn, doanh nghiệp tiên phong

Để đạt mục tiêu đến năm 2030, cả nước có ít nhất 20 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, dự thảo Nghị quyết quy định 02 chính sách cho nhóm doanh nghiệp này, bao gồm:

- Đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu thực hiện dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia (Điều 14)

Hiện nay, cơ chế giao, đặt hàng được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa có cơ chế đặt hàng dự án đầu tư.

Để đáp ứng được yêu cầu của thực triễn trong tình hình mới, dự thảo Nghị quyết trao quyền cho người có thẩm quyền, chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng một trong các hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện đối với các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, quan trọng quốc gia, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh, những nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách trên cơ sở đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

- Hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu (Điều 15)

Hiện nay, đã xuất hiện một số doanh nghiệp tư nhân lớn trong một số ngành, lĩnh vực có khả năng dẫn dắt chuỗi giá trị, thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng lớn mạnh. Tuy nhiên, Nhà nước chưa có chính sách hỗ trợ tương xứng với vai trò, tiềm năng của các doanh nghiệp này. Các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp này trở thành lực lượng tiên phong, vươn tầm quốc tế. Dự thảo Nghị quyết quy định Nhà nước xây dựng chương trình hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu thông qua các chương trình sau: (i) Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; (ii) Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global) để hỗ trợ về thị trường, vốn, công nghệ, thương hiệu, kênh phân phối, logistics, bảo hiểm, thưởng thành tích xuất khẩu, tư vấn, pháp lý, giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, mua bán sáp nhập, kết nối với các tập đoàn đa quốc gia.

## g) Chương VII Điều khoản thi hành

(1) Tổ chức thực hiện

- Dự thảo Nghị quyết giao Chính phủ quy định chi tiết và tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Đồng thời Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện yêu cầu xử lý những việc cấp bách của đất nước trong bối cảnh tình hình mới, thể chế hóa các chủ trương của Đảng được nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, dự thảo Nghị quyết có nhiều quy định đặc thù, chưa có tiền lệ do vậy để bảo vệ những người tham gia xây dựng, ban hành và triển khai cơ chế, quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm đối với trường hợp thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan, không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng có thiệt hại do rủi ro khách quan

- Ngoài ra, Nghị quyết quy định nguyên tắc áp dụng, khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật: Trong trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì đối tượng được ưu đãi được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.

(2) Điều khoản thi hành

Để đảm bảo các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết đi ngay vào cuộc sống, Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi Quốc hội thông qua.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết**

## a) Nguồn kinh phí

Kinh phí tổ chức thi hành Nghị quyết từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## b) Nguồn nhân lực

Sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan hiện có tổ chức thi hành Nghị quyết, do vậy, sau khi Nghị quyết này được ban hành và có hiệu lực, không làm phát sinh tổ chức hành chính mới, không tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành Nghị quyết.

## c) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

- Để bảo đảm hiệu quả thi hành, sau khi Nghị quyết được thông qua, Chính phủ sẽ chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương nghiêm túc, khẩn trương triển khai thi hành Nghị quyết.

- Chính phủ ban hành Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này; rà soát hệ thống pháp luật có liên quan đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả thực thi.

**2. Về tính tương thích của nội dung dự thảo Nghị quyết với Điều ước quốc tế có liên quan mà Nước CHXHCNVN là thành viên**

Nội dung dự thảo Nghị quyết đã được rà soát đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, không trái với các cam kết quốc tế.

# VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Do thực hiện yêu cầu xử lý những việc cấp bách của đất nước trong bối cảnh tình hình mới, yêu cầu thể chế hóa các chủ trương của Đảng được nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua đối với dự thảo Nghị quyết này tại Kỳ họp thứ 9 theo quy trình một kỳ họp.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

*Tài liệu xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Bảng rà soát các quy định tại dự thảo Nghị quyết; (5) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên; - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội (để phối hợp);  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ: CT, KH&CN, NV, KHCN, TP, CA, QP, NN&MT, NHNNVN;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Lưu: VT, ĐTNN. | **TM. CHÍNH PHỦ TUQ. THỦ TƯỚNG BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH** |
| **Nguyễn Văn Thắng** |

1. Theo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản trong trường hợp cấp bách, rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 50, Điều 51 Luật BHVBQPPL năm 2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. Giai đoạn 2017-2024, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành gần 60 luật, hơn 40 Nghị quyết, pháp lệnh, khoảng 980 Nghị định. [↑](#footnote-ref-2)
3. Cả nước hiện có hơn 940 nghìn doanh nghiệp và hơn 5 triệu hộ kinh doanh đang hoạt động. [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 51 Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-4)
5. Hồng Kông có mức khấu trừ R&D cao nhất với 300% cho phần chi phí đầu tiên và 200% cho phần còn lại, không giới hạn tổng chi phí. Trung Quốc áp dụng mức khấu trừ 200% chi phí R&D thực tế, với một số ngành đặc thù được hưởng 120%. Singapore áp dụng mức khấu trừ 250% chi phí R&D đủ điều kiện trong giai đoạn 2019-2028, kèm theo lựa chọn nhận trợ cấp tiền mặt cho một phần chi phí. [↑](#footnote-ref-5)